TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HS-ST

Ngày: 15-10-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Văn Vũ Biên Cương;

Ông Huỳnh Hoàng Dũ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Dưỡng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Văn Hiền Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn TR, sinh năm 1996 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp B, xã C, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Sửa điện cơ; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1968 và bà Trần Thị Th, sinh năm 1974; Có vợ là Danh Kim H, sinh năm 1997 và có một con Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ: Ngày 11/7/2019; hủy bỏ biện pháp tạm giữ: Ngày 19/7/2019; hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2/ Phan Văn T, sinh năm 1994 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp C, huyện H, tỉnh Đồng Tháp Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn T1, sinh năm 1975 và bà Dương Thị Trúc L, sinh năm 1974; Có vợ là Huỳnh Thị Thúy L, sinh năm 1999 và có hai con (lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ: Ngày 11/7/2019; hủy bỏ biện pháp tạm giữ: Ngày 19/7/2019; hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Nguyễn Thị B, sinh năm 1975 (Có mặt);

2/ Nguyễn Văn TR1, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp T, xã C, huyện H, tỉnh Đồng Tháp

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị Th, sinh năm 1974 (Có mặt).

Cư trú: Ấp B, xã C, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1/ Nguyễn Ngọc A, sinh năm 2001 (Có mặt);

Cư trú: Ấp T, xã C, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Đỗ Văn L (tên gọi khác: L1), sinh năm 1997 (Có mặt).

Cư trú: Ấp B, xã C, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 11-7-2019, Nguyễn Văn TR, Phan Văn T và Đỗ Văn L (tên gọi khác: L1) đến quán của bà L2 tại ấp B, xã C, huyện H để nhậu được khoảng 16 lon bia thì nghỉ và Linh tính tiền. Sau đó, T rủ TR và L đi đến nhà dượng của T là ông Th1 ở khu vực nhà trắng thuộc ấp T, xã C, huyện H nhậu tiếp thì cả TR, L đều đồng ý. Lúc này TR lấy xe mô tô biển kiểm soát: 66F7-2451 của bà Trần Thị Th (mẹ TR) chở T, L đi đến nhà ông Th1, khi đến nhà ông Th1 thì TR, T, L uống mỗi người khoảng 03 lon bia nữa thì nghỉ uống. Đến 14 giờ cùng ngày TR điều khiển xe mô tô nói trên chở L ngồi giữa, T ngồi sau chạy qua đường kênh T thuộc ấp T, xã C, huyện H chạy được khoảng 02 km, TR biết mình chạy nhằm đường nên TR mới quay đầu xe lại thì chạy được khoảng 200 mét, TR nhìn phía bên tay trái mình thấy 01 chiếc xe mô tô Exciter màu xanh đen đang dựng ở trước nhà của chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn TR1 mà chìa khóa vẫn còn trên ổ khóa nhưng không có người trông coi. Lúc này, TR nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe trên nên TR tiếp tục chạy thêm 30 mét thì TR dừng xe lại và kêu T xuống xe để lấy trộm chiếc xe mô tô Exciter trên và T đồng ý. Sau đó, TR tiếp tục điều khiển xe chở L đi về nhà hướng ấp B, xã C, huyện H còn T thì một mình đi vào nhà chị B, anh TR1 lấy trộm xe thì thấy nhà không có người mà không có cửa rào nên T dẫn xe mô tô Exciter ra được khoảng 03-04 mét thì bị vướng chậu hoa mai, lúc này T mới kéo chậu mai qua một bên rồi dẫn xe tiếp được khoảng 0,5 mét thì bị anh Nguyễn Ngọc A là con ruột của chị B và anh TR1 phát hiện la lên và ôm giữ lấy T. Chị B nghe la nên chạy ra tiếp bắt và chị B điện thoại báo công an xã C, huyện H đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng với tang vật và dẫn giải T về Công an xã C làm việc, tại đây T và TR đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án thu giữ được:

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 66K1-184.59, nhãn hiệu YAMAHA, màu xanh-đen, số máy G3D4E 164955, số khung 061FY 152357, số loại EXCITER. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trao trả lại cho chị Nguyễn Thị B;

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 66F7-2451, nhãn hiệu RIVER, số máy 152MH-0448099, số khung YX 110-00448049 của bà Trần Thị Th mua lại của ông Lê Văn L (xe này do ông Lê Văn L đứng tên giấy đăng ký)

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 51/KL-HĐĐG ngày 19-7-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Hồng kết luận: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 66K1-184.59, giá trị sử dụng còn lại 70%, giá trị định giá 28.000.000 đồng.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 66F7-2451 của bà Trần Thị Th (mẹ của TR) mua lại của ông Lê Văn L chưa sang tên. Việc bị cáo Nguyễn Văn TR lấy xe

mô tô này sử dụng vào việc phạm tội bà Th không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trao trả lại xe cho bà Trần Thị Th quản lý, sử dụng.

Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn TR và Phan Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKSTH ngày 16-9-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp, truy tố các bị cáo Nguyễn Văn TR và Phan Văn T đồng phạm tội"Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự .

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn TR và Phan Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo TR khai lúc kêu T xuống xe lấy trộm thì Đỗ Văn L ngủ không nghe và bị cáo cũng không nói gì với L trong việc lấy trộm xe.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Nguyễn Thị B yêu cầu xử lý hình sự các bị cáo TR và T theo quy định pháp luật, phần dân sự không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì cả.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Văn TR và Phan Văn T đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và Điều 17 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Nguyễn Văn TR đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có bà cố là Bà mẹ Việt Nam anh hùng và ông ngoại là thương binh ¾ được Hội Cựu chiến binh Việt Nam tặng Huy chương, là những người có công cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Phan Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Từ những phân tích trên Kiểm sát viên đề nghị xử phạt các bị cáo bị cáo Nguyễn Văn TR mức án từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù và bị cáo Phan Văn T mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị B và Nguyễn Văn TR1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Đối với Đỗ Văn L có đi chung xe mô tô với các bị cáo Nguyễn Văn TR và Phan Văn T nhưng việc Trung kêu T lấy trộm xe thì L không có nghe cũng không có bàn bạc nên chưa đủ căn cứ xử lý Đỗ Văn L với vai trò đồng phạm cùng với TR và T.

Về vật chứng: Đã xử lý xong nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo, bị hại không tham gia tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và có lời xin lỗi đến bị hại Nguyễn Thị B và Nguyễn Văn TR.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, qua tranh tụng đã đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 11-7-2019, bị cáo Nguyễn Văn TR xúi dục bị cáo Phan Văn T trộm cắp 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 66K1-184.59, nhãn hiệu YAMAHA, màu xanh-đen, số máy G3D4E 164955, số khung 061FY 152357, số loại EXCITER của bị hại Nguyễn Thị B và Nguyễn Văn TR1, giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 28.000.000 đồng.

[3] Khi thực hiện hành vi vi phạm, các bị cáo Nguyễn Văn TR và Phan Văn T là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi, xuất phát từ lòng tham của bản thân, lười biếng lao động muốn có tiền tiêu xài, các bị cáo đã có hành vi lén lút nhằm để chiếm đoạt tài sản một chiếc xe mô tô của chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn TR1 tổng giá trị tài sản là 28.000.000 đồng. Lời thú nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn TR và Phan Văn T cấu thành đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173, Điều 17 Bộ luật hình sự.

Điều luật trên quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

..."

Tại Điều 17 Bộ luật hình sự quy định:

" 1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm.

..." .

[4] Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, cụ thể là trộm một chiếc xe mô tô của chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn TR1, gây hoang mang, lo lắng trong cộng đồng dân cư trên địa bàn xã C huyện H (nơi xảy ra) nói riêng và tỉnh Đồng Tháp nói chung. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo nghiêm minh trước pháp luật, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm để giáo dục cho các bị cáo trở thành người tốt và có ích cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có người tổ chức phân công cụ thể nhưng bị cáo TR là người xúi dục bị cáo T trộm xe, lúc lượng hình có nghiêm khắc mức hình phạt cao hơn bị cáo T. Đối với bị cáo Nguyễn Văn TR có bà cố tên Phan Thị Nh là Bà mẹ Việt Nam anh hùng và ông ngoại tên Trần D là thương binh ¾ được Hội Cựu chiến binh Việt Nam tặng Huy chương là những người có công với cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phan Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy nghĩ nên xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nước ta.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do không có yêu cầu trong vụ án nên không xem xét giải quyết.

[6] Đối với Đỗ Văn L có đi chung xe mô tô với các bị cáo Nguyễn Văn TR và Phan Văn T nhưng việc TR kêu T lấy trộm xe thì L sai rượu đã ngủ, không có nghe cũng không có bàn bạc, Viện kiểm sát cho rằng chưa đủ căn cứ xử lý Đỗ Văn L với vai trò đồng phạm cùng với TR và T là hoàn toàn phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Do đã trao trả xong, không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn TR và Phan Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[9] Xét thấy phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17 các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn TR đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn TR 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi những ngày tạm giữ từ ngày 11-7-2019 đến ngày 19-7-2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17 các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phan Văn T đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi những ngày tạm giữ từ ngày 11-7-2019 đến ngày 19-7-2019.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Nguyễn Văn TR và Phan Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 15-10-2019). Riêng bị hại Nguyễn Văn TR1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐT;
- VKSND huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Cơ quan CSĐT CA Tân Hồng, ĐT;
- Cơ quan THAHS CA Tân Hồng, ĐT;
- CC THADS huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Văn Tựu